

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/DS-PT

Ngày 19/3/2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 158/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Kim Nh;

Địa chỉ cư trú: Số 61, khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Minh Nh1;

Địa chỉ cư trú: Số 100, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L;

Địa chỉ cư trú: Số 100, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Hồ Thị Ph;

Địa chỉ cư trú: Số 115, Tổ 2, ấp 3, xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Bà Hồ Thị D;

Địa chỉ cư trú: Số 100, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà Hồ Thị Trúc L1;

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp B, xã Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 2, ấp 3, xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Bà Hồ Thị Th;

6. Ông Hồ Me R;

7. Bà Hồ Hoài Ph1;

8. Bà Bao Bích V;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 100, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

9. Ông Quách Văn T;

Địa chỉ cư trú: Số 105, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

10. Ông Hồ Văn B (chết ngày 09/5/2023).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn B:

10.1. Bà Nguyễn Thị L;

10.2. Ông Hồ Minh Nh1;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 100, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (đều có mặt)

10.3. Bà Hồ Thị D;

10.4. Bà Hồ Thị Th;

10.5. Ông Hồ Me R;

10.6. Bà Hồ Hoài Ph1;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 100, ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

10.7. Bà Hồ Thị Ph;

Địa chỉ cư trú: Số 115, Tổ 2, ấp 3, xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

10.8. Bà Hồ Thị Trúc L1;

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp B, xã Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 2, ấp 3, xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Quách Kim Nh - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách Kim Nh trình bày:

Bà có diện tích đất khoảng 4.986,9m², tọa lạc tại ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh

Sóc Trăng, thuộc thửa số 945, tờ bản đồ số 3 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 12/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V). Nguồn gốc đất là của cha bà tên là Quách Văn T cho bà từ năm 2015, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tứ cận hướng Đông giáp kênh Vàm Om Trà Nỏ, hướng Tây giáp thửa 941 của ông Hồ Văn B, hướng Nam giáp kênh Vàm Om Trà Nỏ và hướng Bắc giáp thửa số 10, tờ bản đồ số 21 của ông Mai Văn B1. Như vậy, đất của bà có 02 hướng giáp kênh, một hướng giáp đất ông B và một hướng giáp đất ông B1, là đất của cha bà cho trước năm 1997 (vợ ông B là em ruột của cha bà, còn ông B1 là em vợ của cha bà). Lúc cho đất chỉ nói miệng, có cắm cây đề làm mốc, nhưng không có giấy tờ gì, vì nghĩ là anh em trong nhà. Sau khi được cho đất, ông B và ông B1 đều đi đăng ký quyền sử dụng đất, lúc đo đạc không có mời cha bà chứng kiến nhưng cả hai đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Đến năm 2015, cha bà mới cho bà phần đất này (là đất trống bà chưa sử dụng). Khi cho đất bà, cha bà có mời ông B1 và vợ ông B ra chứng kiến để cắm ranh (có 03 trụ xi măng). Vào ngày 26/12/2017 âm lịch, bà phát hiện con trai ông B là Hồ Minh Nh1 dời 02 trụ mốc lấn qua đất của bà ngang khoảng 08m, chiều dài ra tới mé sông, bà không đồng ý thì ông Nh1 nói dời trụ mốc để ủi đất, sau khi ủi đất xong sẽ trả về chỗ cũ, nghe nói vậy nên bà cũng đồng ý. Sau khi ủi đất xong, ông Nh1 không cắm trụ mốc về chỗ cũ nên xảy ra tranh chấp, bà có báo với vợ ông B nhưng vợ ông B nói ông Nh1 không có dời trụ mốc. Việc tranh chấp hai bên không tự thỏa thuận được nên bà đã yêu cầu Tổ hòa giải ấp X và Hội đồng tư vấn tranh chấp đất đai xã V hòa giải nhưng không thành.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nh1 cắm lại cột mốc về chỗ cũ, trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc của Tòa án mà bà đã chỉ ranh vào ngày 17/02/2023 gồm diện tích 1.679,9m², thuộc thửa số 1206, tờ bản đồ số 3 (thuộc một phần thửa số 223, tờ bản đồ số 5 cũ) và diện tích 249,6m², thuộc thửa số 1209, tờ bản đồ số 3 (thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 5 cũ), tọa lạc tại ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ Hồ Văn B đứng tên quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Minh Nh1 trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nh. Vì phần đất tranh chấp gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay, phần đất này trước đây của ông ngoại ông tên Nguyễn Văn Đ, cho mẹ của ông từ năm 1976. Đến năm 1997, cha của ông là Hồ Văn B được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay chưa được cấp đổi lại theo sơ đồ chính quy. Phần đất tranh chấp trên là của chung gia đình ông chứ cha mẹ ông chưa có cho ông, ông chỉ sử dụng chung. Phần đất của gia đình ông với bà Nh đã có ranh là các trụ đá như hiện nay. Ông không có dời trụ đá như bà Nh trình bày. Do đó, ông yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà với ông Quách Văn T (cha bà Nh) là cùng một mẹ khác cha. Đối với phần đất tranh chấp, cũng như thửa đất mà Hồ Minh Nh1 đang quản lý, sử dụng, trước đây bà được cha của bà là ông Nguyễn Văn Đ cho (ông Đ là người cha sau của ông T). Phần đất giữa bà Nh với ông Nh1 trước đây hai bên có cặm trụ đá, các trụ đá đó hiện nay vẫn còn và đúng như ông Nh1 trình bày. Việc bà Nh khởi kiện yêu cầu trả lại phần đất tranh chấp, bà không đồng ý, gia đình bà không có lần ranh đất của bà Nh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn T trình bày:

Ông thông nhất với lời trình bày của con ông là Quách Kim Nh. Thửa đất của Hồ Minh Nh1 đang quản lý, sử dụng trước đây là do ông khai phá từ đất hoang. Sau đó, ông mới cho lại người em tên Hồ Văn B (ông B là em rể của ông). Phần đất mà ông đã cho ông B (cha của Hồ Minh Nh1) tính từ giáp ranh với đất của ông Nguyễn Văn H kéo về hướng nhà ông Mai Văn B1 là 18 tầm, thời điểm lúc cho thì ông có cặm khúc cây để làm ranh. Việc ông B đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông không hay biết, không có đo đạc và ký giáp ranh. Bà L và ông Nh1 cho rằng phần đất ông Nh1 đang sử dụng là của ông Nguyễn Văn Đ (cha ruột của bà L, cha sau của ông) cho là không đúng. Ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nh1 cùng gia đình trả lại phần đất trên cho con của ông là Quách Kim Nh, vì đất trên ông đã cho bà Nh.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Hồ Thị Ph, Hồ Thị D, Hồ Thị Trúc L1, Hồ Thị Th, Hồ Me R, Hồ Hoài Ph1, Bao Bích V và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người này không có văn bản gửi cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn và đều vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 158/2023/DS-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng sự năm 2015; khoản 24 Điều 3, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Kim Nh, về việc yêu cầu buộc bị đơn ông Hồ Minh Nh1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 1.679,9m² thuộc thửa 1206, tờ bản đồ số 3 (thuộc một phần thửa 223, tờ bản đồ số 5 cũ) và diện tích 249,6m² thuộc thửa 1209, tờ bản đồ số 3 (thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 5 cũ), tọa lạc tại ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc

Trắng. Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp có tứ cận như sau:

- Hướng Đông, giáp đất của ông Mai Văn B1 và bà Quách Kim Nh, có số đo 62,82m + 67,35m + 7,88m + 7,35m;

- Hướng Tây, giáp đất của ông Hồ Minh Nh1, có số đo 130,56m + 13,55m + 7,40m;

- Hướng Nam, giáp bờ kênh Vòm Om Trà Nỏ, có số đo 5,73m + 9,45m;

- Hướng Bắc, giáp đất của ông Mai Thanh Ng, có số đo 13,38m.

Tổng diện tích 1.929,5m².

(Kèm theo sơ đồ đo đạc)

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13/10/2023, bà Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà, giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xem xét lại yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nh không rút lại đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B là bà Hồ Thị Ph, bà Hồ Thị Trúc L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hồ Thị D, bà Hồ Thị Th, bà Hồ Hoài Ph1, ông Hồ Me R vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bao Bích V cũng vắng mặt không có lý do.

Đồng thời, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án, bà Nh kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ph, Hồ Thị Trúc L1, Hồ Thị D, Hồ Thị Th, Hồ Hoài Ph1, Bao Bích V và ông Hồ Me R, cũng như người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B là các ông, bà Hồ Thị Ph, Hồ Thị Trúc L1, Hồ Thị D, Hồ Thị Th, Hồ Hoài Ph1, Hồ Me R: Những người này đều không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đối với bà Ph, bà L1 cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người còn lại thì vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nh đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Nh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Phần đất tranh chấp có tứ cận hướng Đông giáp đất ông Mai Văn B1, bà Quách Kim Nh có số đo 62,82m + 67,35m + 7,88m + 7,35m; hướng Tây giáp đất của ông Hồ Minh Nh1 có số đo 130,56m + 13,55m + 7,40m; hướng Nam giáp bờ kênh Vòm Om Trà Nỏ có số đo 5,73m + 9,45m; hướng Bắc giáp đất của ông Mai Thanh Ng có số đo 13,38m; tổng diện tích 1.929,5m², loại đất LUK, trong đó có 1.679,9m² thuộc thửa 1206, tờ bản đồ số 3 (một phần thửa 223, tờ bản đồ số 5 cũ) và 249,6m² thuộc thửa 1209, tờ bản đồ số 3 (một phần thửa 224, tờ bản đồ số 5 cũ); đã trừ diện tích thuộc hành lang bảo vệ kênh là 103,3m² (thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 5 cũ).

[4] Bà Nh và ông T (cha bà) cho rằng phần đất tranh chấp và kể cả phần đất gia đình ông Nh1 đang quản lý, sử dụng là đất gốc của ông T, phần đất tranh chấp bà Nh được ông T tặng cho vào năm 2015, đến năm 2017 thì bị ông Nh1 lấn chiếm; còn ông Nh1 và bà L (mẹ ông) cho rằng là đất gốc của ông Nguyễn Văn Đ (người cha sau của ông T, cha ruột bà L) cho ông Hồ Văn B (cha ông Nh1, chồng bà L). Tại các biên bản xác minh ngày 02/10/2018, ngày 24/5/2023 đối với các ông Mai Văn B1 (em rể ông T), ông Nguyễn Thanh H (em cùng mẹ khác cha với ông T), ông Lê Văn Kh (em rể ông T) có căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T khai phá, trước tiếp thu năm 1975 ông T bỏ hoang liên tục, sau năm 1975 ông T không sử dụng, ông B (em rể ông T) và gia đình ông B canh tác, quản lý cho đến nay. Bà Nh cũng không có quản lý, sử dụng.

[5] Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì xác định được phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 223 và 224, tờ bản đồ số 5 cũ, nay thuộc thửa số 1206 và 1209, tờ bản đồ số 3. Thửa đất số 223 và 224, Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 141471 ngày 05/5/1997 cho hộ ông Hồ Văn B (cha ông Nh1).

[6] Tại Công văn số 684/CV-CNVC ngày 10/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V phúc đáp cho Tòa án: *.....thửa đất số 223, 224, tờ bản đồ số 5 đang tranh chấp ranh đất với bà Quách Kim Nh. Về trình tự thủ tục việc cấp giấy cho hộ ông Hồ Văn B là đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1,*

Điều 2 Luật đất đai năm 1993 “Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”.

[7] Mặt khác, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 945, tờ bản đồ số 3 (thửa số 190, tờ bản đồ số 5 cũ), diện tích 4.876,2m² kèm theo hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nh thì diện tích thửa đất này tại thời điểm đăng ký năm 2016 không bao gồm diện tích đất tranh chấp. Bà Nh cho rằng phần đất tranh chấp là của bà, được ông T tặng cho và bị ông Nh1 lấn chiếm, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ.

[9] Bà Nh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại yêu cầu khởi kiện của bà, nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới thể hiện thuộc một trong những trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nh, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[11] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nh là người kháng cáo không được chấp nhận, bà cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Quách Kim Nh.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng sự năm 2015; khoản 24 Điều 3, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Kim Nh, về việc yêu cầu buộc bị đơn ông Hồ Minh Nh1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế 1.929,5m², loại đất LUK, thuộc thửa số 1206 và 1209, tờ bản đồ số 3 (thuộc một phần thửa 223 và 224, tờ bản đồ số 5 cũ), tọa lạc tại ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất tranh chấp có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất của ông Mai Văn B1 và bà Quách Kim Nh, có số đo 62,82m + 67,35m + 7,88m + 7,35m;

- Hướng Tây giáp đất của ông Hồ Minh Nh1, có số đo 130,56m + 13,55m + 7,40m;

- Hướng Nam giáp bờ kênh Vòm Om Trà Nỏ, có số đo 5,73m + 9,45m;

- Hướng Bắc giáp đất của ông Mai Thanh Ng, có số đo 13,38m.

Trong đó có diện tích 1.679,9m² thuộc thửa 1206, tờ bản đồ số 3 (một phần thửa 223, tờ bản đồ số 5 cũ) và diện tích 249,6m² thuộc thửa 1209, tờ bản đồ số 3 (một phần thửa 224, tờ bản đồ số 5 cũ); đã trừ diện tích thuộc hành lang bảo vệ kênh là 103,3m² (thuộc một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 5 cũ).

(Kèm theo sơ đồ đo đạc)

1.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Bà Quách Kim Nh phải chịu là 19.895.416 đồng (Mười chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm mười sáu đồng) và bà đã nộp xong.

1.3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Quách Kim Nh phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 514.600 đồng (Năm trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007930 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà được hoàn lại số tiền chênh lệch là 214.000 đồng (Hai trăm mười bốn nghìn đồng).

- Ông Hồ Minh Nh1 không phải chịu.

2. Án phí phúc thẩm:

Bà Quách Kim Nh phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008540 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TX. Vĩnh Châu;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS TX. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm